TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **100**/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 - 8 - 2024.
Về việc tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Vinh.

Ông Nguyễn Tường Bích.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trần Thị D,** sinh ngày 12/8/1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Ông Võ Nhật T,** sinh ngày 01/01/1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị D, ông Võ Nhật T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 29/02/2024, bản tự khai ngày 20/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông T do mai mối mới quen biết nhau, nhưng sau đó hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai vào năm 2002. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 03 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự

cãi, ông T nhiều lần xúc phạm gia đình bên vợ và đánh đập bà, nên bà bỏ về quê ở xã Thới Lai sống và đã ly thân từ tháng 03 năm 2011 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung tên:

1. Võ Tấn Đ, sinh ngày 21/11/1990.

2. Võ Thị NHư A, sinh ngày 12/4/2003.

Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Tại Bản tự khai đề ngày 14/8/2024, bị đơn ông Võ Nhật T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với phần trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân nhưng qua yêu cầu ly hôn của bà D thì ông không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ.

- *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung tên:

1. Võ Tấn Đ, sinh ngày 21/11/1990.

2. Võ Thị NHư A, sinh ngày 12/4/2003.

Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Trần Thị D, ông Võ Nhật T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông T cưới nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai vào năm 2002 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T được công nhận hợp pháp.

Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông T, ông T không đồng ý. *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bà D, xác định được cuộc sống vợ chồng của ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông T nhiều lần xúc phạm gia đình bên vợ và đánh đập bà, nên bà bỏ về quê ở xã Thới Lai sống và đã ly thân từ tháng 03 năm 2011 cho đến nay, hiện tại mỗi người sống một nơi.

Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời bà D và ông T để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay vẫn không thể hàn gắn lại được, bà D và ông T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, cho thấy bà D và ông T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà D và ông T đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung tên:

1. Võ Tấn Đ, sinh ngày 21/11/1990.

2. Võ Thị NHư A, sinh ngày 12/4/2003.

Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung:* Bà D và ông T khai thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về nợ chung:* Bà D và ông T khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị D đối với ông Võ Nhật T.

Cho ly hôn giữa bà Trần Thị D và ông Võ Nhật T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị D và ông Võ Nhật T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên:

1. Võ Tấn Đ, sinh ngày 21/11/1990.

2. Võ Thị NHư A, sinh ngày 12/4/2003.

Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005650 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, bà Trần Thị D đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị D và ông Võ Nhật T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thới Lai
(Số 144, ngày 31/12/2002);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên